

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 13-01-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươngne
2. Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà: Lý Thị Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1942.

Địa chỉ: số xxx, ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973.

Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

(Các đương sự cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 làm chủ hội, ông Nguyễn Văn A có tham gia 01 dây hội mùa 04 tháng khui một lần, mở ngày 16/10/2015 âm lịch, có 16 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, ông A tham gia 01 phần. Đã đóng hội sống 13 kỳ, đến kỳ thứ 14 thì hốt với số tiền 26.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền đầu thảo và tiền hội chết thì còn lại 21.200.000 đồng, nhưng chị H2 và anh H1 chỉ giao cho tôi 9.400.000 đồng. Hiện còn nợ lại 11.800.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn A yêu cầu anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 trả cho ông A số tiền hội nợ là 11.800.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi phát sinh gì thêm.

Tại Bản tự khai (không ghi ngày tháng), các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Văn H cùng trình bày:

Chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng. Chị H2 và anh H1 có tổ chức tham gia góp hội. Ông Nguyễn Văn A là hội viên có tham gia dây hội 01 dây hội mùa 04 tháng khui một lần, mở ngày 16/10/2015 âm lịch, có 16 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, ông A tham gia 01 phần. Đã đóng hội sống 13 kỳ, đến kỳ thứ 14 thì hốt với số tiền 26.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền đầu thảo và tiền hội chết thì còn lại 21.200.000 đồng. Chị H2 và anh H1 giao cho ông A 9.400.000 đồng. Còn lại 11.800.000 đồng đến nay chưa giao. Hiện dây hội này đã mãn. Tuy nhiên, do anh Nguyễn Văn Đen (là con ruột của ông A) còn nợ chị H2 và anh H1 15.500.000 đồng tiền hội chết – cũng của dây hội này nên khi nào anh Đen trả tiền hội chết cho chị H2 và anh H1 thì anh chị sẽ trả tiền hội cho ông Nguyễn Văn A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A là chính đáng và có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, các đương sự đều thông nhất số dây hội tham gia và số tiền hội chết còn nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Văn H phải trả số tiền hội còn nợ là 11.800.000 đồng.

Đối với việc chị H2 và anh H1 cho rằng có sự cản trừ tiền nợ hội với anh Nguyễn Văn Đen (là con ruột của ông Nguyễn Văn A). Xét đây là quan hệ tranh chấp khác, không liên quan gì đến vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét, nếu sau này, các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về chứng cứ trong vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn có ý kiến thừa nhận như sau: “...Ông Nguyễn Văn A là hội viên có tham gia dây hội 01 dây hội mùa 04 tháng khui một lần, mở ngày 16/10/2015 âm lịch, có 16 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, ông A tham gia 01 phần. Đã đóng hội sống 13 kỳ, đến kỳ thứ 14 thì hốt với số tiền 26.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền đầu thảo và tiền hội chết thì còn lại 21.200.000 đồng. Chị H2 và anh H1 giao cho ông A 9.400.000 đồng. Còn lại 11.800.000 đồng đến nay chưa giao. Hiện dây hội này đã mãn.....”

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, dây hội mà nguyên đơn tham gia đã mãn hội, đồng thời cũng đã trúng thăm hốt hội nhưng các bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn đủ số tiền hội là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền góp hội còn nợ là 11.800.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với ý kiến của các bị đơn cho rằng có sự cản trở nợ giữa nguyên đơn, các bị đơn với anh Nguyễn Văn Đen (là con ruột của nguyên đơn). Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, anh Nguyễn Văn Đen khai: “...Đối với tiền nợ hội chết 15.500.000 đồng mà tôi nợ anh H1 và chị H2 thì tôi và cha tôi không có thỏa thuận cản trở gì. Đây là nợ hội của tôi và tôi sẽ tự chịu trách nhiệm trả. Còn tiền hội của cha tôi thì không liên quan gì đến tôi.

Tôi xác định, giữa tôi, cha tôi là ông Nguyễn Văn A, cùng vợ chồng anh H1, chị H2 không có bất cứ thỏa thuận cản trở tiền hội gì....”. Xét thấy, do nguyên đơn và anh Nguyễn Văn Đen không thừa nhận, đồng thời các bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh có sự cản trở nợ hội giữa các bên, cho nên, lời trình bày của các bị đơn về việc cản trở nợ hội là không đúng sự thật và không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên, quan hệ tiền nợ hội giữa các bị đơn và anh Nguyễn Văn Đen là quan hệ tranh chấp khác, không liên quan gì đến vụ án này, vì vậy, nếu sau này

giữa các bị đơn và anh Nguyễn Văn Đen có tranh chấp về phần tiền hui mà anh Đen còn nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

[3] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn A. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn A số tiền hui còn nợ là 11.800.000 đồng (**mười một triệu tám trăm ngàn đồng**).

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn A không phải chịu tiền án phí DSST. Do ông A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên xem như xong, không có hoàn lại gì.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 phải cùng chịu **590.000 đồng (năm trăm chín mươi ngàn đồng)** tiền án phí DSST.

Án xử công khai, ông Nguyễn Văn A, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

